



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

b) Thông tư này không điều chỉnh đối với:

b1) Việc phân cấp thẩm quyền quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

b2) Nội dung đã có quy định pháp luật xác định thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các đơn vị tại khoản 2 Điều này;

c) Nội dung về thẩm quyền quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin không được quy định trong Thông tư này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính (bao gồm Cục loại 1 thuộc Bộ Tài chính, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính và các đơn vị dự toán

cấp 2 khác);

b) Đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Tài chính;

c) Đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phân cấp quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Tài chính.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cục loại 1* là Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Dự trữ nhà nước, Kho bạc nhà nước, Cục Thống kê, Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

2. *Đơn vị dự toán cấp 2* là đơn vị dự toán ngân sách được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp 1) giao dự toán ngân sách nhưng không phải là đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Đảm bảo sự quản lý thống nhất, toàn diện trong lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

2. Bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục khi quyết định các nội dung về quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với mô hình tổ chức, tính chất hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

3. Bảo đảm phù hợp với năng lực chuyên môn của các đơn vị, đáp ứng mục tiêu đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt khâu trung gian, giảm thiểu các chi phí tổ chức thực hiện, phát huy trách nhiệm, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Tổ chức, cá nhân đã được phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, không lấy thêm ý kiến của các đơn vị khác thuộc Bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn giải quyết nhiệm vụ được giao.

4. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh việc phân cấp một số nội dung cụ thể khác với Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý ngân sách

1. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính có thẩm quyền:

a) Quyết định phân bổ và giao dự toán, điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

b) Quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định giao quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên trực tiếp thuộc đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính);

c) Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (bao gồm dự toán kinh phí thực hiện) theo quy định về tổ chức và hoạt động của đơn vị;

d) Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh các nhiệm vụ theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng làm căn cứ lập dự toán ngân sách hằng năm.

2. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Tài chính có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (bao gồm dự toán kinh phí thực hiện) theo quy định về tổ chức và hoạt động của đơn vị.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư xây dựng

1. Cục trưởng Cục loại 1 có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của Cục dành để đầu tư;

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công;

c) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ;

d) Cục trưởng Cục Thống kê có các thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này và thẩm quyền quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu

tư và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có tổng mức đầu tư dưới 20 tỷ đồng/dự án.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư:

a1) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

a2) Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

a3) Dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;

a4) Đối với chủ trương đầu tư dự án của các Trường, Học viện thuộc Bộ Tài chính có Hội đồng Trường, phải được Hội đồng Trường thông qua theo quy định và quy chế hoạt động của Hội đồng Trường.

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

b1) Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước;

b2) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

c) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có tổng mức đầu tư dưới 20 tỷ đồng/dự án.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính và thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Tài chính (trừ các trường hợp nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này), thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1 có thẩm quyền quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có tổng mức đầu tư dưới 20 tỷ đồng/dự án (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này).

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

1. Cục trưởng Cục loại 1 có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của Cục dành để đầu tư;

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

c) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ đối với nhiệm vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ;

d) Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin của đơn vị có dự toán thuê từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng;

đ) Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng;

e) Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư:

a1) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

a2) Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên;

a3) Dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;

a4) Đối với chủ trương đầu tư dự án của các Trường/Học viện thuộc Bộ Tài chính có Hội đồng Trường, phải được Hội đồng Trường thông qua theo quy định và quy chế hoạt động của Hội đồng Trường.

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

b1) Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

b2) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị;

c) Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án;

d) Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin của đơn vị có dự toán dưới 500 tỷ đồng;

đ) Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức dự toán dưới 500 tỷ đồng.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính và thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Tài chính (trừ các trường hợp nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này) có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị dành để đầu tư;

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

c) Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin của đơn vị có dự toán thuê dưới 500 tỷ đồng;

d) Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức dự toán dưới 500 tỷ đồng;

đ) Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư.

4. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1 có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin, quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức dự toán dưới 45 tỷ đồng (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này);

b) Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục Thống kê quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin, quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức dự toán dưới 500 triệu đồng.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công

1. Cục trưởng Cục loại 1 có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của Cục dành để đầu tư;

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công;

c) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ đối với nhiệm vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ;

d) Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư;

đ) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Tài chính mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể Cục loại 1 hoặc các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1 là chủ thể tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản;

e) Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị đối với các đối tượng thuộc Cục loại 1 theo quy định;

g) Quyết định tiêu chuẩn, định mức đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng, diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp và tài sản công theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

h) Quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

i) Quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

k) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao đối với đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

l) Quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng trừ trường hợp quy định tại điểm t khoản này;

m) Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm các nội dung quy định tại điểm 1 khoản 1, khoản 4 Điều này);

n) Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Cục loại 1 theo quy định (trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 4 Điều này);

o) Quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

p) Quyết định xử lý tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án theo quy định đối với tài sản công Cục loại 1 được giao quản lý, sử dụng (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý);

q) Quyết định xử lý, phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển giữa các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1 đối với tài sản công, vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án, tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quy định;

r) Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

s) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (đối với dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý);

t) Ngoài các nội dung quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm s khoản này, một số Cục trưởng Cục loại 1 còn có các thẩm quyền cụ thể như sau:

t1) Cục trưởng Cục Dự trữ nhà nước quyết định khai thác kho dự trữ quốc gia thuộc Cục Dự trữ nhà nước theo quy định của pháp luật;

t2) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển giữa các đơn vị thuộc Cục Hải quan đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

t3) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định mua sắm các tài sản, hàng hóa là vũ khí, công cụ hỗ trợ; ấn chỉ nghiệp vụ; niêm phong hải quan; chứng minh thư hải quan; lịch, sổ tay, ấn phẩm tuyên truyền; trang chế phục trừu biên tên công chức, viên chức, trang phục cho đối tượng làm việc theo hợp đồng lao động giản đơn;

t4) Cục trưởng Cục Thuế quyết định mua sắm các tài sản, hàng hóa là trang phục (trừ trang phục bảo vệ), ấn chỉ thuế (tem điện tử).

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư:

a1) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

a2) Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên;

a3) Dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;

a4) Đối với chủ trương đầu tư dự án của các Trường/Học viện thuộc Bộ Tài chính có Hội đồng Trường, phải được Hội đồng Trường thông qua theo quy định và quy chế hoạt động của Hội đồng Trường;

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

b1) Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước;

b2) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị;

c) Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư;

d) Quyết định xác lập sở hữu toàn dân, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Tài chính mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý là chủ thể tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản;

đ) Quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao phục vụ hoạt động đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng mức dự toán dưới 500 tỷ đồng;

e) Quyết định thuê, thuê mua tài sản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

g) Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

h) Quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng, diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản công theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

i) Quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

k) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

l) Quyết định xử lý tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án theo quy định đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý);

m) Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý, sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

n) Quyết định khai thác tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ; hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

o) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện

từ, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao, quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm các nội dung quy định tại điểm đ, điểm e khoản này);

p) Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

q) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (đối với dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý);

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính (ngoài các trường hợp tại khoản 1, khoản 2 Điều này), thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Tài chính có thẩm quyền:

a) Quyết định xác lập sở hữu toàn dân, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Tài chính mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính, thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Tài chính là chủ thể tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản;

b) Quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao có tổng mức dự toán dưới 500 tỷ đồng;

c) Quyết định xử lý tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án theo quy định đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý);

d) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

đ) Quyết định thuê, thuê mua tài sản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

e) Quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhằm phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước và các nhu cầu thiết yếu của cán bộ, công chức, người lao động của cơ quan nhà nước và khách đến công tác theo quy định;

g) Quyết định xử lý tài sản công là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng ngân sách ra quyết định tịch thu/quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

h) Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

i) Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

k) Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

l) Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (không bao gồm các nội dung quy định tại điểm b, điểm đ khoản này).

4. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1 có thẩm quyền:

a) Quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao có tổng mức dự toán dưới 45 tỷ đồng (trừ trường hợp quy định tại điểm t khoản 1 và điểm l khoản 4 Điều này);

b) Quyết định xử lý tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án theo quy định (trừ trường hợp quy định tại điểm q khoản 1 Điều này);

c) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

d) Quyết định thuê, thuê mua tài sản phục vụ hoạt động;

đ) Quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhằm phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước và các nhu cầu thiết yếu của cán bộ, công chức, người lao động của cơ quan nhà nước và khách đến công tác theo quy định;

e) Quyết định xử lý tài sản công là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng ngân sách ra quyết định tịch thu/quyết định xử phạt vi phạm hành chính trừ trường hợp quy định tại điểm q khoản 1 Điều này;

g) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quyết định phương án xử lý tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân (trừ trường hợp quy định tại điểm t khoản 1 Điều này);

h) Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

i) Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

k) Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (không bao gồm các nội dung quy định tại điểm a, điểm d khoản này);

l) Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục Thống kê quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao có tổng mức dự toán dưới 500 triệu đồng;

m) Thẩm quyền quy định tại các điểm c, h, i, k khoản này không áp dụng đối với Văn phòng Cục loại 1.

Điều 8. Quyền hạn và nghĩa vụ của các đơn vị

1. Cục Kế hoạch - Tài chính

a) Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế Kiểm tra, giám sát nội bộ về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính, trong đó quy định cụ thể về việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức được phân cấp thẩm quyền;

b) Theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của các cơ quan, tổ chức được phân cấp thẩm quyền;

c) Giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính tổng hợp, xây dựng Kế hoạch tổng thể kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quy định tại Thông tư này; tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quy định tại Thông tư này;

d) Kịp thời đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính các trường hợp phải tạm dừng việc phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này;

đ) Trình Bộ ban hành biểu mẫu chi tiết báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Thông tư này;

e) Định kỳ hằng năm (chậm nhất vào ngày 20/01 năm sau liền kề) hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Thông tư này;

g) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng trong quản lý công tác tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra, kiểm toán nội bộ không được phân cấp cho các đơn vị tại Thông tư này.

2. Vụ Pháp chế

Tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và yêu cầu công tác quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Các đơn vị được phân cấp quy định tại Thông tư này

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Tài chính về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn theo quy định của pháp luật đối với các nội dung được phân cấp;

b) Báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) về tổng hợp dự toán đã phân bổ, giao, điều chỉnh của các đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý để kiểm tra (kèm theo các tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước, đồng thời thuyết minh rõ sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh dự toán);

c) Định kỳ hằng năm (chậm nhất vào ngày 15/01 năm sau liền kề), báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) đánh giá kết quả việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

d) Báo cáo đột xuất về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

đ) Tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình đối với nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật chuyên ngành;

e) Kịp thời đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính (qua Vụ Pháp chế) xem xét điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu công tác của đơn vị và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp.

4. Cục loại 1

a) Theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1;

b) Xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1 được phân cấp thẩm quyền quy định tại Thông tư này gửi Cục Kế hoạch - Tài chính tổng hợp; tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1;

c) Kịp thời đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) các trường hợp phải tạm dừng việc phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này;

d) Tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) các nội dung quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều này của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1.

Chương III

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

1. Phương thức giám sát

Hoạt động giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp được thực hiện đồng thời thông qua các phương thức sau:

a) Giám sát định kỳ theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Giám sát đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đơn vị giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

Các cơ quan sau đây có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Cục Kế hoạch - Tài chính giám sát việc thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp đối với các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính và đơn vị sử dụng ngân sách của Bộ Tài chính;

b) Cục loại 1 thuộc Bộ Tài chính giám sát việc thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp đối với các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1.

3. Nội dung giám sát

Giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành quy định của Nhà nước và Bộ Tài chính đối với thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân cấp theo quy định tại Thông tư này.

4. Nguyên tắc thực hiện giám sát

a) Việc giám sát không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thực hiện giám sát được yêu cầu đối tượng được giám sát cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo trong trường hợp có phản ánh, kiến nghị, dấu hiệu bất thường hoặc khi thực hiện giám sát đột xuất theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Đảm bảo tính độc lập, trung thực, khách quan, công khai và minh bạch; đúng trình tự, nội dung, thời gian theo quy định;

c) Trường hợp cơ quan thực hiện giám sát yêu cầu đối tượng được giám sát cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo thì phải được lập thành Biên bản ghi nhận đầy đủ sự việc;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm thì cơ quan thực hiện giám sát có trách nhiệm kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 10. Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

1. Phương thức kiểm tra

Hoạt động kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp được thực hiện đồng thời thông qua các phương thức sau:

a) Phương thức tự kiểm tra;

b) Phương thức kiểm tra định kỳ, đột xuất theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật trong

các lĩnh vực quản lý ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Đơn vị kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

Các cơ quan sau đây có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư này:

a) Đối với phương thức tự kiểm tra: cơ quan, tổ chức được phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn tự thực hiện;

b) Đối với phương thức kiểm tra định kỳ, đột xuất:

b1) Cục Kế hoạch - Tài chính kiểm tra việc thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp đối với các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc Bộ Tài chính và đơn vị sử dụng ngân sách của Bộ Tài chính;

b2) Cục loại 1 thuộc Bộ Tài chính kiểm tra việc thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn đối với các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục loại 1.

3. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra toàn diện việc tổ chức thực hiện và chấp hành quy định của Nhà nước và Bộ Tài chính đối với thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân cấp theo quy định tại Thông tư này.

4. Nguyên tắc thực hiện kiểm tra

a) Đảm bảo không chồng chéo về nội dung, đối tượng, thời kỳ kiểm tra giữa các đơn vị và không chồng chéo với các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;

b) Đảm bảo tính độc lập, trung thực, khách quan, công khai và minh bạch; đúng trình tự, nội dung, thời gian theo quy định;

c) Việc kiểm tra không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra, giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

d) Việc kiểm tra phải được lập thành Biên bản ghi nhận đầy đủ thông tin, kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 11. Xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện không đúng quy định về phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này hoặc thực hiện không đúng các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại theo quy định pháp luật;

c) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra tình trạng thực hiện không đúng quy định về phân cấp theo quy định tại Thông tư này thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Tùy theo mức độ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tạm dừng việc thực hiện thẩm quyền đã phân cấp

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm dừng việc thực hiện thẩm quyền đã phân cấp cho các đơn vị trong các trường hợp sau:

1. Đơn vị xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ, không đảm bảo yêu cầu đề phân cấp.

2. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành và nhiệm vụ kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh lại các quyết định đã ban hành trong trường hợp có sự thay đổi về thẩm quyền quyết định theo quy định tại Thông tư này. Việc thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm cả trường hợp điều chỉnh) áp dụng các quy định về thẩm quyền tại Thông tư này.

2. Đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao (bao gồm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin) đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh lại các văn bản đã ban hành trong trường hợp có sự thay đổi về thẩm quyền quy định tại Thông tư này. Việc thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm cả trường hợp điều chỉnh) thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế) để nghiên cứu giải quyết. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các KBNN khu vực, các Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực;
- Các Thuế tỉnh, TP trực thuộc TW, các Chi cục Hải quan khu vực;
- Các Thống kê tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC (200 bản). 

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Kháng